

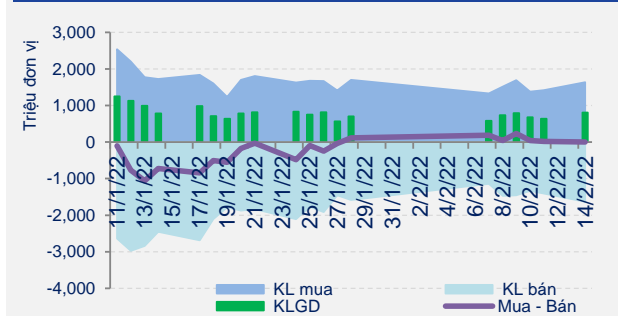
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/2/2022

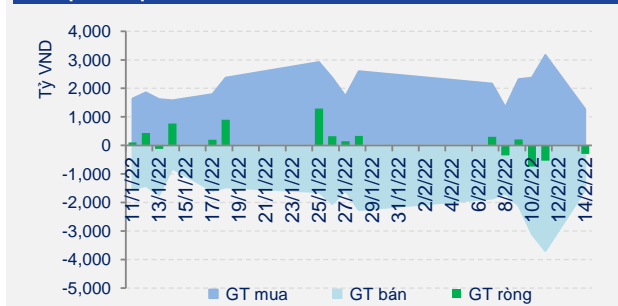
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,471.96	421.01
% Thay đổi	↓ -1.98%	↓ -1.38%
KLGD (CP)	810,715,804	79,065,326
GTGD (tỷ đồng)	25,920.65	2,286.47
Tổng cung (CP)	1,632,908,100	119,177,200
Tổng cầu (CP)	1,638,522,600	100,914,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	40,639,238	222,562
KL mua (CP)	26,932,500	360,800
GT mua (tỷ đồng)	1,270.03	11.59
GT bán (tỷ đồng)	1,565.06	5.90
GT ròng (tỷ đồng)	(295.02)	5.69

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -0.70%	20.9	3.4	0.9%
Công nghiệp	↓ -1.04%	22.5	3.2	11.7%
Dầu khí	↑ 1.43%	19.2	2.2	3.8%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.81%	-	11.2	5.0%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.40%	15.9	2.4	0.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.70%	18.5	3.7	8.2%
Ngân hàng	↓ -5.03%	13.2	2.5	29.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.81%	9.8	2.3	11.7%
Tài chính	↓ -1.31%	23.3	3.2	25.4%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 2.16%	18.8	2.8	3.1%
VN - Index	↓ -1.98%	17.5	3.2	
HNX - Index	↓ -1.38%	23.1	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Lạm phát Mỹ tăng cao, căng thẳng đại chính trị giữa Nga và Ucraina gia tăng đã khiến cho thị trường chứng khoán Mỹ giảm mạnh phiên thứ sáu tuần trước. Và điều này đã có tác động rõ ràng đến thị trường chứng khoán Việt Nam trong phiên đầu tuần. Kết phiên, chỉ số VN-Index giảm mạnh 29,75 điểm (-1,98%) xuống 1.471, 96 điểm. Độ rộng thị trường là tiêu cực với 322 mã giảm (8 mã giảm sàn), 36 mã tham chiếu, 132 mã tăng (14 mã tăng trần). Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau tuần giao dịch đầu tiên của năm Nhâm Dần 2022 tăng tốt để kéo thị trường đã đồng loạt bị bán mạnh trong phiên hôm nay khiến nhiều mã giảm mạnh SHB (-6,8%), TPB (-6,7%), BID (-6,6%), HDB (-6,4%), CTG (-6%), MBB (-5,7%), OCB (-5,6%), ACB (-4,8%), VPB (-4,4%), VCB (-4,4%)..., thậm chí giảm sàn như STB (-6,9%), LPB (-6,9%) đã tạo áp lực điều chỉnh lớn lên toàn thị trường. Khi mà thị trường chứng khoán giảm mạnh thì nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng khó có thể đi ngược lại xu hướng này, nhiều mã giảm mạnh như SSI (-3,3%), VND (-4,9%), HCM (-4%), SHS (-5%), APS (-6,6%), CTS (-5,6%)... Ở chiều ngược lại, cổ phiếu dầu khí tiếp tục tăng nhờ đà tăng của giá dầu trên thế giới, có thể nhắc đến như GAS (+4,5%), PLX (+1,3%), PVS (+2,8%), PVD (+0,5%), OIL (+1,6%), PSH (+6,9%), PVC (+2,6%)... Dòng tiền cũng đổ vào nhóm hàng không và du lịch để đón đầu xu hướng mở cửa ngành trong năm nay như HVN (+0,8%), VJC (+5,4%), DAH (+1,8%), CTD (+3,2%), VNG (+2,1%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Những diễn biến tiêu cực từ các thị trường chứng khoán lớn trên thế giới vào cuối tuần trước đã có ảnh hưởng đến tâm lý nhà đầu tư tại thị trường trong nước. VN-Index đánh mất ngưỡng hỗ trợ 1.480 điểm (MA20-50) sau phiên hôm nay khiến cho bức tranh thị trường có phần xấu đi. Và vùng hỗ trợ tiếp theo của thị trường trong khoảng 1.425-1.450 điểm tương ứng với vùng đáy của tháng trước. Nếu xét trên góc độ định giá, P/E của VN-Index hiện ở mức 17 lần là mức trung bình của thị trường trong khoảng 5 năm trở lại đây; còn của VN30 là 16 lần, thấp hơn một chút so với mức trung bình 5 năm (theo dữ liệu từ FiinTrade). Do đó, chúng tôi cho rằng khả năng giảm mạnh ở thời điểm hiện tại là khá thấp. Và trong phiên giao dịch tiếp theo 15/2, VN-Index có thể dần bình ổn trở lại khi cung cầu trở nên cân bằng hơn. Nhà đầu tư đã tham gia mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 có thể tiếp tục nắm giữ danh mục và cân nhắc mua thêm nếu thị trường có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm trong phiên tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

14/2/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc đỏ trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuyên suốt từ đầu phiên cho đến cuối phiên. Thậm chí trong phiên ATC, áp lực bán còn tiếp tục gia tăng đã khiến cho chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 29,75 điểm (-1,98%) xuống 1.471,96 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB giảm 4.000 đồng, BID giảm 3.150 đồng, CTG giảm 2.200 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS tăng 5.000 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index cũng giảm điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay do chịu áp lực bán xuất hiện từ đầu phiên và gia tăng cho đến hết phiên giao dịch khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, HNX-Index giảm 5,88 điểm (-1,38%) xuống 421,01 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 3.300 đồng, KSF giảm 5.400 đồng, SHS giảm 2.100 đồng. Ở chiều ngược lại, CEO tăng 3.000 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 293,15 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,1 triệu đơn vị. HPG là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 174,6 tỷ đồng tương ứng với 3,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HDB với 161,4 tỷ đồng tương ứng với 5,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, GAS là mã được mua ròng nhiều nhất với 73,5 tỷ đồng tương ứng với 638 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 5,65 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 138 nghìn cổ phiếu. PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,3 tỷ đồng tương ứng với 69,2 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 2,6 tỷ đồng tương ứng với 85 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVB là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,3 tỷ đồng tương ứng với 43,4 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên cuối tuần trước nhưng vẫn thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán trong phiên hôm nay đã có sự gia tăng nhưng điều này là chưa thực sự đáng ngại đối với thị trường.

Góc nhìn kỹ thuật là lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm mạnh (-1,98%) thì chỉ số VN-Index đã đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần nhất 1.480 điểm (MA20-50) khiến cho xu hướng tăng của thị trường tạm thời bị suy yếu. Vùng hỗ trợ mạnh tiếp theo của chỉ số được xác định trong khoảng 1.425-1.450 điểm (đáy thị trường trong tháng 1/2022).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 15/2, chỉ số VN-Index sẽ bình ổn trở lại khi cung cầu dần trở nên cân bằng hơn.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục áp đảo thì chỉ số VN-Index có thể lui về test vùng hỗ trợ trong khoảng 1.425-1.450 điểm tương ứng với vùng đáy của VN-Index trong tháng 1/2022.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

HSBC tăng mức dự báo lạm phát năm 2022 của Việt Nam lên 3%

Trong báo cáo cập nhật về tình hình kinh tế vĩ mô, Ngân hàng HSBC tăng nhẹ mức dự báo lạm phát bình quân 2022 của Việt Nam từ 2.7% lên 3% nhưng khẳng định rủi ro không đáng kể.



TIN TRONG NƯỚC

Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 62,05 - 62,75 triệu đồng/lượng, tăng 50.000 đồng/lượng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 14/2 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.096 VND/USD, tăng 6 đồng so với cuối tuần qua.

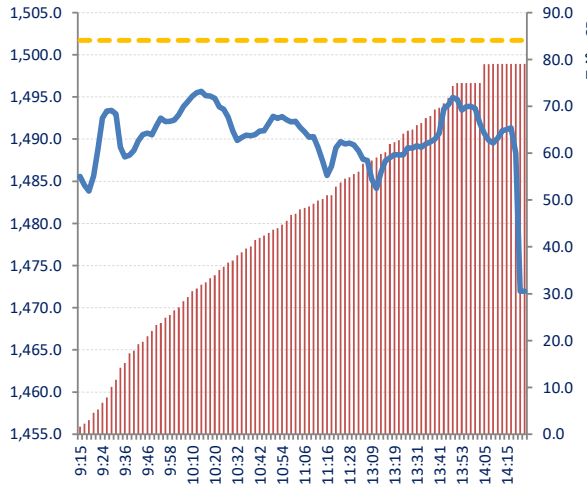
TIN QUỐC TẾ

Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 12,95 USD/ounce tương ứng với 0,71% lên 1.855,45 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,172 điểm tương ứng 0,18% lên 96,250 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1314 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3512 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 115,19 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,17 USD/thùng tương ứng với 0,18% lên 93,25 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm mạnh	Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/1, Dow Jones giảm 503,53 điểm tương đương 1,43% xuống 34.738,06 điểm. Nasdaq giảm 394,49 điểm tương đương 2,78% xuống 13.791,15 điểm. Nasdaq Composite giảm 85,44 điểm tương đương 1,9% xuống 4.418,64 điểm.

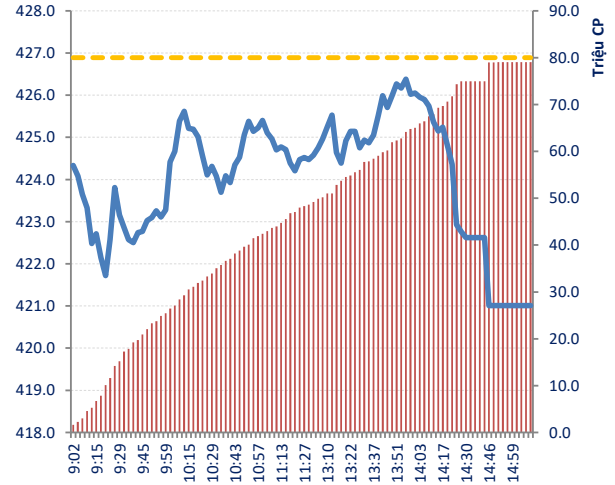


THÔNG KÊ GIAO DỊCH

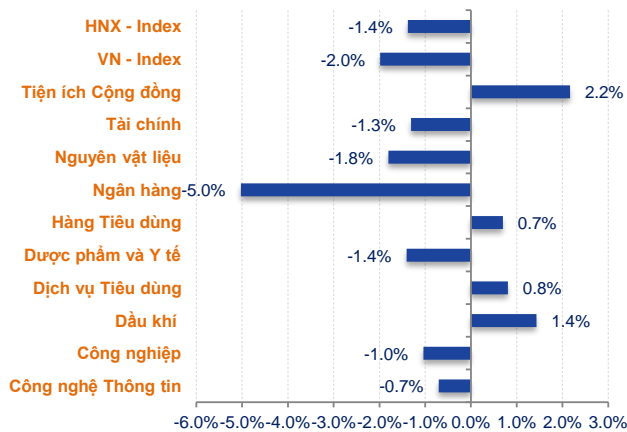
KLGD và VN-Index trong phiên



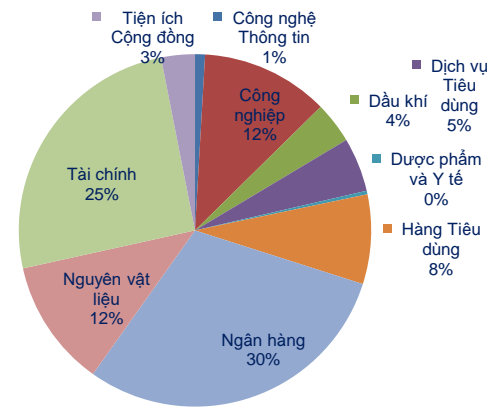
KLGD và HNX-Index trong phiên



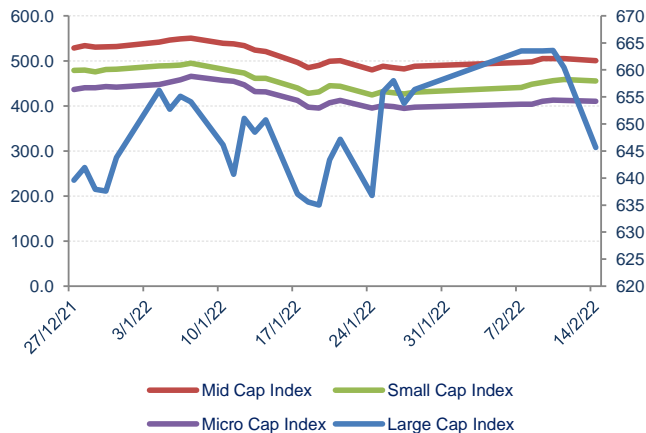
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



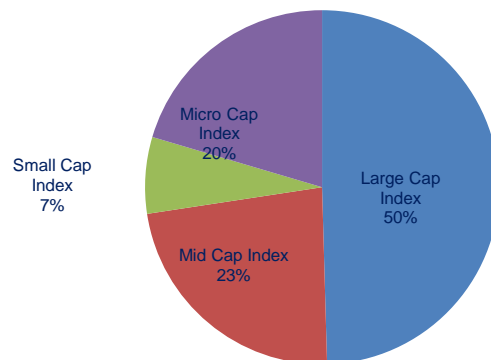
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	MSB	1,456,800	HDB	5,394,400
2	GMD	961,900	HPG	3,733,900
3	STB	755,900	VIC	1,610,500
4	GAS	638,000	DCM	994,600
5	NVL	526,200	VHM	918,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	85,000	NVB	43,400
2	PVI	69,200	HUT	19,000
3	APS	39,900	KLF	18,300
4	TVD	29,900	EVS	14,500
5	HOM	29,800	SD6	12,300

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
STB	35.30	32.85	↓ -6.94%	37,591,900
MBB	33.95	32.00	↓ -5.74%	28,508,600
HNG	9.51	8.90	↓ -6.41%	28,254,900
SHB	23.60	22.00	↓ -6.78%	24,004,050
FLC	12.00	11.65	↓ -2.92%	23,157,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	29.00	29.80	↑ 2.76%	14,630,848
SHS	42.20	40.10	↓ -4.98%	5,672,392
CEO	55.50	58.50	↑ 5.41%	5,591,849
KLF	6.00	5.80	↓ -3.33%	4,057,735
DVG	13.00	14.00	↑ 7.69%	4,044,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CNG	31.50	33.70	2.20	↑ 6.98%
TDG	12.20	13.05	0.85	↑ 6.97%
DIG	69.00	73.80	4.80	↑ 6.96%
PGC	23.05	24.65	1.60	↑ 6.94%
PSH	23.10	24.70	1.60	↑ 6.93%

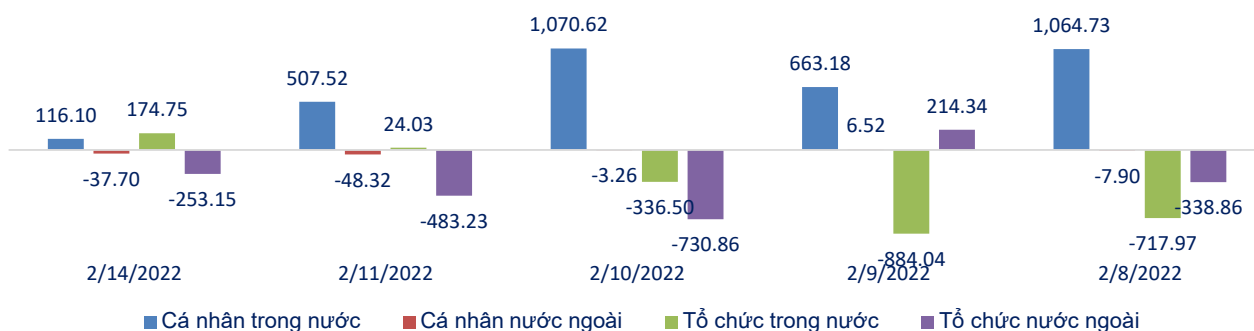
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNC	58.00	63.80	5.80	↑ 10.00%
HAT	19.20	21.10	1.90	↑ 9.90%
TSB	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
PGS	24.40	26.80	2.40	↑ 9.84%
BST	16.40	18.00	1.60	↑ 9.76%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STB	35.30	32.85	-2.45	↓ -6.94%
LPB	25.90	24.10	-1.80	↓ -6.95%
TTB	12.30	11.45	-0.85	↓ -6.91%
BTT	49.90	46.45	-3.45	↓ -6.91%
VCI	61.10	56.90	-4.20	↓ -6.87%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CAN	60.00	54.00	-6.00	↓ -10.00%
MCC	13.00	11.70	-1.30	↓ -10.00%
VGP	33.30	30.00	-3.30	↓ -9.91%
ALT	20.30	18.30	-2.00	↓ -9.85%
ATS	31.50	28.40	-3.10	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	149.89	21.8%	3,035	10.3	2.0
VIC	144.73	-1.9%	(717)	-	1.9
HPG	135.33	46.0%	7,708	6.1	2.3
FLC	55.65	0.7%	119	100.9	0.9
VHM	31.29	35.3%	9,036	8.8	2.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	-79.78	17.1%	4,531	24.5	4.1
NVL	-65.55	8.8%	1,695	46.1	3.7
GMD	-35.21	8.9%	2,007	24.1	2.1
ACB	-34.01	23.9%	3,554	10.0	2.1
SAB	-33.15	16.8%	5,734	27.8	4.5

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	4.28	18.3%	4,543	23.1	4.0
MSB	3.38	20.7%	2,668	10.3	1.9
STB	3.00	10.8%	1,855	19.0	1.9
VJC	2.60	7.5%	2,242	59.2	4.2
LPB	1.65	18.5%	2,384	10.9	1.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-10.45	46.0%	7,708	6.1	2.3
HDB	-8.64	21.8%	3,035	10.3	2.0
VCI	-3.19	18.0%	2,084	29.3	3.2
PVD	-2.35	0.1%	46	676.1	0.9
SAB	-2.26	16.8%	5,734	27.8	4.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	40.95	35.3%	9,036	8.8	2.6
HPG	39.31	46.0%	7,708	6.1	2.3
ACB	34.01	23.9%	3,554	10.0	2.1
NVL	24.52	8.8%	1,695	46.1	3.7
VIB	23.14	30.3%	4,127	11.6	3.0

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	-51.98	0.7%	119	100.9	0.9
MSB	-24.36	20.7%	2,668	10.3	1.9
VPB	-22.03	17.0%	2,662	13.8	1.9
NBB	-19.85	18.2%	4,126	7.2	1.5
HVN	-13.66	-832.8%	(7,832)	-	39.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	74.72	17.1%	4,531	24.5	4.1
GMD	47.09	8.9%	2,007	24.1	2.1
NVL	42.26	8.8%	1,695	46.1	3.7
MSB	36.45	20.7%	2,668	10.3	1.9
VND	33.01	19.6%	2,007	35.6	3.6

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-164.19	46.0%	7,708	6.1	2.3
HDB	-152.85	21.8%	3,035	10.3	2.0
VIC	-133.73	-1.9%	(717)	-	1.9
VHM	-70.30	35.3%	9,036	8.8	2.6
DCM	-30.04	27.5%	3,623	8.4	2.1



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	37,591,900	10.8%	1,855	19.0	1.9
MBB	28,508,600	3250.0%	3,361	10.1	2.1
HNG	28,254,900	0.7%	51	186.6	1.3
SHB	24,004,050	16.7%	2,261	10.4	1.8
FLC	23,157,200	0.7%	119	100.9	0.9

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	14,630,848	4.7%	1,260	23.0	1.1
SHS	5,672,392	25.5%	2,933	14.4	2.1
CEO	5,591,849	2.7%	362	153.3	4.0
KLF	4,057,735	0.4%	40	148.5	0.6
DVG	4,044,300	3.8%	264	49.3	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CNG	↑ 7.0%	16.2%	3,006	10.5	1.7
TDG	↑ 7.0%	9.0%	1,119	10.9	1.0
DIG	↑ 7.0%	15.3%	2,210	31.2	4.5
PGC	↑ 6.9%	14.5%	1,989	11.6	1.6
PSH	↑ 6.9%	18.4%	2,511	9.2	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DNC	↑ 10.0%	34.7%	5,135	11.3	4.2
HAT	↑ 9.9%	1.6%	291	65.9	1.2
TSB	↑ 9.9%	5.8%	683	13.3	0.8
PGS	↑ 9.8%	10.0%	1,972	12.4	1.2
BST	↑ 9.8%	10.7%	1,381	11.9	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	1,456,800	20.7%	2,668	10.3	1.9
GMD	961,900	8.9%	2,007	24.1	2.1
STB	755,900	10.8%	1,855	19.0	1.9
GAS	638,000	17.1%	4,531	24.5	4.1
NVL	526,200	8.8%	1,695	46.1	3.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	85,000	4.7%	1,260	23.0	1.1
PVI	69,200	11.2%	3,722	13.2	1.6
APS	39,900	15.2%	907	36.6	2.8
TVD	29,900	19.3%	2,300	6.5	1.2
HOM	29,800	0.2%	26	323.8	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	425,926	21.3%	4,629	19.4	3.8
VHM	347,043	35.3%	9,036	8.8	2.6
VIC	311,599	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	242,303	12.7%	2,090	22.9	2.8
GAS	212,448	17.1%	4,531	24.5	4.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	61,635	21.8%	2,805	62.8	9.7
KSF	35,340	9.1%	1,387	84.9	5.9
IDC	20,850	11.8%	1,805	38.5	4.4
VCS	17,280	40.6%	11,096	9.7	3.5
BAB	17,171	8.3%	964	23.6	1.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
IDI	5.18	4.4%	600	23.2	1.0
DXV	5.05	-3.1%	(336)	-	0.7
KHP	5.02	7.2%	836	19.7	1.4
TNI	4.74	-2.8%	(310)	-	0.7
FLC	4.67	0.7%	119	100.9	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	2.66	7.0%	343	34.4	2.3
CEO	2.30	2.7%	362	153.3	4.0
APS	2.14	15.2%	907	36.6	2.8
ART	1.98	0.1%	16	654.8	0.9
L14	1.97	39.0%	8,000	43.1	12.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
